

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN NẬM PỒ
TRƯỜNG PTDTBT THCS NẬM CHUA

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2025-2026

STT	Nội dung	SL	Bình quân	GHI CHÚ
I	Số phòng học	24	1,4 m ² /học sinh	
II	Loại phòng học		-	
1	Phòng học kiên cố	24	1,4	Mỗi phòng 42,5m ²
2	Phòng học bán kiên cố	0	0	
3	Phòng học tạm	0	-	
4	Phòng học nhờ	0	-	
5	Số phòng học bộ môn	1	1,4	Mỗi phòng 42,5m ²
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-	
7	Bình quân lớp/phòng học	24/24	-	
8	Bình quân học sinh/lớp	30		
III	Số điểm trường	1	-	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	16000000	21,3	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4000	5,3	
VI	Tổng diện tích các phòng	25	1062,5	
1	Diện tích phòng học (m ²)	24	1020	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	1	42,5	
3	Diện tích thư viện (m ²)	1	60,0	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	1	533	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	1	20,0	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu		Số bộ/lớp	
	(Đơn vị tính: bộ)			
	Khối 1	0	0	
	Khối 2	0	0	
	Khối 3	0	0	
	Khối 4	0	0	
	Khối 5	0	0	
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	4	48lớp	
1.1	Khối lớp 6	1	12lớp	
1.2	Khối lớp 7	1	12lớp	
1.3	Khối lớp 8	1	12lớp	



STT	Nội dung	SL	Bình quân	GHI CHÚ		
1.4	Khối lớp 9	1	1 lớp			
2	thiếu so với quy định					
2.1	Khối lớp 6	1				
2.2	Khối lớp 7	1				
2.3	Khối lớp 8	1				
2.4	Khối lớp 9	1				
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích thiết bị)	1				
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập		Số HS/bộ			
	(Đơn vị tính: bộ)	25	19			
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	0	Số thiết bị/lớp			
1	Ti vi	14				
2	Máy tính	12				
XI	Nhà ăn	1				
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ		
		326	447	0,73		
XIII	Khu nội trú	2	500	2		
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
		1	Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		7		0,5
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*			0		0

trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây		x

STT	Nội dung	SL	Bình quân	GHI CHÚ
-----	----------	----	-----------	---------

Nà Hỳ, ngày tháng 9 năm 2025

